

SỞ TƯ PHÁP TỈNH TUYỀN QUANG

ĐỀ CƯƠNG GIỚI THIỆU LUẬT TIẾP CẬN THÔNG TIN

Luật Tiếp cận thông tin được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XVI, Kỳ họp thứ Nhất thông qua ngày 23 tháng 4 năm 2026; Chủ tịch nước ký Lệnh công bố số 01/2026/L-CTN ngày 26/4/2026; có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 9 năm 2026.

Luật Tiếp cận thông tin số 104/2016/QH13 hết hiệu lực từ ngày 01 tháng 9 năm 2026, trừ trường hợp yêu cầu cung cấp thông tin được gửi đến các cơ quan nhà nước trước ngày 01 tháng 9 năm 2026 nhưng chưa được giải quyết thì tiếp tục được giải quyết theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin số 104/2016/QH13.

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT TIẾP CẬN THÔNG TIN¹

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

1.1. Cơ sở chính trị

- Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII và XIV của Đảng nhấn mạnh yêu cầu xây dựng cơ chế, chính sách để thực hiện hiệu quả phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”, định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2026-2030 là: “Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân...; xây dựng nền quản trị quốc gia hiện đại, hiệu lực, hiệu quả; có hệ thống pháp luật hoàn chỉnh, được thực hiện nghiêm minh; bảo đảm và bảo vệ công lý, quyền con người, quyền công dân”. Bên cạnh đó, các chủ trương, đường lối của Đảng về sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy trong thời gian qua có tác động trực tiếp đến mô hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan, đơn vị.

- Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới xác định nhiệm vụ: “Tiếp tục thể chế hóa, cụ thể hóa kịp thời, đầy đủ quan điểm, chủ trương của Đảng và quy định của Hiến pháp về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; nội luật hóa các điều ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam đã tham gia; xác định rõ trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong việc tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân. Thực hiện tốt nguyên tắc công

¹ Theo Tờ trình số 83/TTr-CP ngày 17/3/2026 của Chính phủ về Dự án Luật Tiếp cận thông tin (sửa đổi).

dân được làm tất cả những gì pháp luật không cấm; quyền công dân không tách rời nghĩa vụ công dân, việc thực hiện quyền con người, quyền công dân không được xâm phạm lợi ích quốc gia - dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân ”.

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia yêu cầu: *“Hoàn thành xây dựng, kết nối, chia sẻ đồng bộ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu các ngành; khai thác và sử dụng có hiệu quả tài nguyên số, dữ liệu số... Phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, công dân số, công nghiệp văn hoá số đạt mức cao của thế giới”.* Bên cạnh đó, Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư cũng có nhiều văn bản chỉ đạo về đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

- Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới đặt ra yêu cầu đổi mới tư duy xây dựng pháp luật: *“...phát huy dân chủ, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ hiệu quả quyền con người, quyền công dân; bảo đảm sự cân đối, hợp lý giữa mức độ hạn chế quyền với lợi ích chính đáng đạt được... Bên cạnh một số bộ luật, luật quy định về quyền con người, quyền công dân, tổ tụng tư pháp cần cụ thể, về cơ bản các luật khác, nhất là luật điều chỉnh các nội dung về kiến tạo phát triển chỉ quy định những vấn đề khung, những vấn đề có tính nguyên tắc thuộc thẩm quyền của Quốc hội, còn những vấn đề thực tiễn thường xuyên biến động thì giao Chính phủ, Bộ, ngành, địa phương quy định để bảo đảm linh hoạt, phù hợp với thực tiễn ”.*

- Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân yêu cầu: *“công khai, minh bạch và chủ động cung cấp thông tin tới doanh nghiệp”, “hoàn thiện hệ thống pháp luật, xoá bỏ các rào cản tiếp cận thị trường đảm bảo môi trường kinh doanh thông thoáng, minh bạch, rõ ràng, nhất quán, ổn định lâu dài, dễ tuân thủ, chi phí thấp ”.*

- Ngày 26/10/2025, Bộ Chính trị ban hành Chỉ thị số 53-CT/TW về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong thực hiện trách nhiệm giải trình của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động công vụ, trong đó yêu cầu *“Hoàn thiện pháp luật về tư pháp, khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân, đất đai, quy hoạch, môi trường, đầu tư, xây dựng, quản lý, sử dụng tài sản công, tài chính công, **bảo đảm quyền tiếp cận thông tin...**; trách nhiệm giải trình của các cơ quan tổ chức, cá nhân có liên quan trong hoạt động công vụ ”.* Việc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của

công dân góp phần quan trọng vào công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và tăng cường trách nhiệm giải trình của các cơ quan nhà nước.

1.2. Cơ sở pháp lý

- Quyền tiếp cận thông tin (hay quyền tự do thông tin) là quyền con người được ghi nhận trong Tuyên ngôn thế giới về quyền con người năm 1948, Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966 mà Việt Nam là thành viên. Hiến pháp năm 2013 quy định công dân có quyền tiếp cận thông tin, việc thực hiện quyền này do pháp luật quy định (Điều 25). Trên cơ sở đó, ngày 06/4/2016, Quốc hội khóa XIII đã thông qua Luật Tiếp cận thông tin (*có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2018*). Luật này áp dụng chung cho việc tiếp cận thông tin của công dân (theo Điều 16 của Luật).

- Ngày 16/6/2025, Quốc hội ban hành Nghị quyết số 203/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Luật Tổ chức chính quyền địa phương (Luật số 72/2025/QH15), tạo cơ sở pháp lý cho việc tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp. Theo đó, các quy định về trách nhiệm của các cơ quan cung cấp thông tin trong Luật Tiếp cận thông tin cần sửa đổi, bổ sung để phù hợp với mô hình tổ chức sau sắp xếp và đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh phân cấp, phân quyền.

- Trong thời gian qua, một số luật được sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới có liên quan đến tiếp cận thông tin, cung cấp thông tin/dữ liệu của các cơ quan, đơn vị. ***Ví dụ:*** Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022 quy định trừ các thông tin thuộc bí mật nhà nước hoặc thông tin chưa được công khai theo quy định của pháp luật, chính quyền địa phương cấp xã phải công khai các nội dung tại Điều 11 của Luật này. Luật Lưu trữ năm 2024 quy định về tiếp cận thông tin trong tài liệu lưu trữ; quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc tiếp cận và sử dụng thông tin trong tài liệu lưu trữ (Điều 25, Điều 26). Luật Dữ liệu năm 2024 quy định dữ liệu được công khai, công khai có điều kiện, không được công khai phải căn cứ vào thông tin được dữ liệu phản ánh theo quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin (khoản 2 Điều 21), đồng thời có các quy định về dữ liệu mở, dữ liệu dùng chung... Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân năm 2025 đặt ra những yêu cầu chặt chẽ về bảo vệ dữ liệu cá nhân; những trường hợp công khai dữ liệu cá nhân; cung cấp dữ liệu cá nhân; sự đồng ý của chủ thể dữ liệu cá nhân... Theo đó, cần rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định của Luật Tiếp cận thông tin để bảo đảm đồng bộ, thống nhất với hệ thống pháp luật có liên quan.

- Ngày 26/9/2025, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 105/2025/UBTVQH15 về Chương trình lập pháp năm 2026, trong đó dự án Luật

Tiếp cận thông tin (sửa đổi) trình Quốc hội xem xét, thông qua tại kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa XVI (tháng 4/2026).

- Ngày 24/10/2025, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 2352/QĐ-TTCP phân công cơ quan chủ trì soạn thảo và thời hạn trình các dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết trong Chương trình lập pháp năm 2026, trong đó giao Bộ Tư pháp chủ trì xây dựng dự án Luật Tiếp cận thông tin (sửa đổi).

- Ngày 29/12/2025, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 419/NQ-CP về chính sách của Luật Tiếp cận thông tin (sửa đổi), thông qua 05 chính sách của Luật.

- Ngày 12/02/2026, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 25/NQ-CP thông qua dự án Luật Tiếp cận thông tin (sửa đổi).

2. Cơ sở thực tiễn

2.1. Sau gần 08 năm thi hành Luật, các cơ quan, Bộ, ngành, địa phương đã quan tâm, chú trọng tổ chức triển khai thi hành Luật Tiếp cận thông tin. Việc công khai thông tin được thực hiện thường xuyên, đáp ứng cơ bản nhu cầu thông tin của người dân, doanh nghiệp. Công tác cung cấp thông tin theo yêu cầu từng bước đi vào nền nếp. Tuy nhiên, qua tổng kết cho thấy, bên cạnh những kết quả đạt được, việc triển khai thi hành Luật còn gặp một số hạn chế, khó khăn. Cụ thể:

- *Về phạm vi và trách nhiệm cung cấp thông tin:* Luật Tiếp cận thông tin quy định trách nhiệm cung cấp thông tin của các cơ quan nhà nước. Đến nay, sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, một số quy định về cơ quan nhà nước trong Luật không còn phù hợp (ví dụ các quy định về cơ quan ở cấp huyện); chưa có quy định về cơ quan có trách nhiệm cung cấp thông tin do các cơ quan nhà nước ở cấp huyện trước đây tạo ra. Qua tổng kết thi hành Luật cho thấy, việc quy định phạm vi thông tin mà UBND cấp xã có trách nhiệm cung cấp bao gồm thông tin do UBND cấp xã nhận được là quá rộng. Mặt khác, để đáp ứng nhu cầu thông tin của người dân, cần nghiên cứu mở rộng từng bước và hợp lý các tổ chức, đơn vị có trách nhiệm cung cấp thông tin tại Luật này.

- *Về phạm vi thông tin được tiếp cận, không được tiếp cận và được tiếp cận có điều kiện:* Luật Tiếp cận thông tin quy định thông tin công dân được tiếp cận, thông tin công dân không được tiếp cận, thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện. Tuy nhiên, trong thực tế thực hiện, các cơ quan còn lúng túng hoặc có cách hiểu và vận dụng chưa thống nhất một số quy định của Luật, ví dụ như việc xác định “thông tin mà nếu để tiếp cận sẽ gây nguy hại đến lợi ích của Nhà nước, ảnh hưởng xấu đến quốc phòng, an ninh quốc gia, quan hệ quốc tế, trật tự, an toàn xã

hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng; gây nguy hại đến tính mạng, cuộc sống hoặc tài sản của người khác” (khoản 2 Điều 6).

- *Về công khai thông tin*: Trong thời gian qua, cùng với quá trình thực hiện cải cách hành chính, hoạt động công khai thông tin của các cơ quan nhà nước được đẩy mạnh. Tuy nhiên, việc lập, cập nhật Danh mục thông tin phải công khai theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 34 Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 chưa được thực hiện thường xuyên, đầy đủ. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công khai thông tin tại một số địa bàn còn hạn chế.

- *Về cung cấp thông tin theo yêu cầu*: Hình thức, trình tự, thủ tục cung cấp thông tin theo yêu cầu vẫn còn phức tạp, chưa đáp ứng yêu cầu đơn giản hóa thủ tục hành chính, đặc biệt trong điều kiện ứng dụng công nghệ số và xây dựng Chính phủ điện tử, chính quyền số. Có trường hợp người dân yêu cầu cung cấp thông tin đơn giản nhưng trình tự, thủ tục giải quyết yêu cầu còn rườm rà. Ngoài ra, với sự phát triển của khoa học và công nghệ thì cách thức cung cấp thông tin cũng cần thay đổi theo hướng đa dạng, nhanh chóng và thuận lợi hơn cho người dân.

- *Về các biện pháp bảo đảm quyền tiếp cận thông tin*: Luật Tiếp cận thông tin quy định các biện pháp bảo đảm quyền tiếp cận thông tin như bố trí cán bộ đầu mối cung cấp thông tin, cơ sở vật chất, số hóa tài liệu..., tuy nhiên, quá trình thực hiện còn gặp khó khăn, nhất là tại địa phương, vùng kinh tế - xã hội khó khăn. Việc phân loại, lưu trữ và cập nhật thông tin chưa thực sự khoa học, dẫn đến việc tra cứu, cung cấp thông tin đôi khi còn chậm. Việc đầu tư cơ sở vật chất cho công tác tiếp cận thông tin tuy đã được quan tâm nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu; thiếu trang thiết bị phục vụ cung cấp thông tin cho các đối tượng đặc thù (như người khuyết tật). Theo đó, cần sửa đổi, bổ sung các quy định của Luật Tiếp cận thông tin để bảo đảm tính khả thi, đồng thời giao Chính phủ quy định cụ thể các biện pháp để bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin.

2.2. Về kinh nghiệm nước ngoài: Quyền tự do thông tin (hay quyền tiếp cận thông tin) là quyền cơ bản được pháp luật các quốc gia ghi nhận và bảo vệ. Đây không phải là quyền tuyệt đối (pháp luật các nước có quy định những trường hợp ngoại lệ thông tin không được tiếp cận). Trong thời đại công nghệ số, chuyển đổi số, pháp luật về tiếp cận thông tin trên thế giới cũng có những điều chỉnh để thích ứng với sự thay đổi của các hình thức thông tin, dữ liệu, phương thức cung cấp thông tin; tăng cường nghĩa vụ chủ động công khai thông tin của các cơ quan nhà nước, đồng thời có các chính sách, biện pháp để vừa bảo đảm quyền tiếp cận thông tin vừa ứng phó với các thách thức liên quan đến bảo vệ quyền riêng tư, dữ liệu cá nhân, an ninh mạng...

Những cơ sở chính trị, pháp lý và thực tiễn nêu trên đặt ra yêu cầu phải sửa đổi, bổ sung toàn diện quy định của Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 để thể chế hóa đầy đủ, kịp thời các chủ trương, đường lối của Đảng về phát huy dân chủ, bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân, tăng cường tính công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình trong hoạt động của cơ quan, đơn vị, đẩy mạnh ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong cung cấp thông tin cho người dân; đồng thời, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất với các luật, nghị quyết có liên quan và phù hợp với yêu cầu đổi mới tư duy, kỹ thuật lập pháp hiện nay.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG LUẬT TIẾP CẬN THÔNG TIN

1. Mục đích

- Giải quyết các hạn chế, khó khăn, vướng mắc có nguyên nhân từ quy định của Luật đã được các cơ quan, bộ, ngành, địa phương phản ánh trong quá trình sơ kết, tổng kết việc thi hành Luật;

- Sửa đổi, bổ sung toàn diện các quy định của Luật nhằm bảo đảm tốt hơn quyền tiếp cận thông tin của công dân, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của Việt Nam hiện nay và yêu cầu thực tiễn trong tình hình mới, trong đó có việc mở rộng các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm cung cấp thông tin, mở rộng phạm vi thông tin công dân được tiếp cận, đa dạng các hình thức cung cấp thông tin, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động cung cấp thông tin, tạo điều kiện cho người dân tiếp cận thông tin nhanh chóng, thuận lợi, tiết kiệm thời gian, chi phí.

2. Quan điểm chỉ đạo xây dựng luật

- Tiếp tục thể chế hoá chủ trương, đường lối của Đảng về phát huy rộng rãi dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ của Nhân dân, bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân; tăng cường trách nhiệm giải trình, công khai, minh bạch trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, góp phần phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí;

- Đáp ứng nhu cầu tiếp cận thông tin ngày càng cao của công dân; đa dạng hóa hình thức cung cấp thông tin gắn với bối cảnh đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số, xây dựng Chính phủ số, công dân số và mô hình tổ chức của các cơ quan sau sắp xếp;

- Bảo đảm tính tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên; tính thống nhất, đồng bộ với các luật, nghị quyết có liên quan, nhất là các luật, nghị quyết mới được Quốc hội ban hành trong thời gian qua; đồng thời, đáp ứng yêu cầu đổi mới tư duy xây dựng luật và kỹ thuật lập pháp hiện nay;

- Bảo đảm tính khả thi của Luật trong điều kiện kinh tế - xã hội Việt Nam; nghiên cứu, tiếp thu có chọn lọc các kinh nghiệm phù hợp của pháp luật nước ngoài trong quá trình xây dựng dự án Luật.

II. BỐ CỤC CỦA LUẬT TIẾP CẬN THÔNG TIN

Luật Tiếp cận thông tin số 01/2026/QH16 (viết tắt là *Luật năm 2026*) gồm 04 chương, 31 điều (***giảm 01 chương, 06 điều so với Luật Tiếp cận thông tin số 104/2016/QH13, viết tắt là Luật năm 2016***), cụ thể như sau:

1. Chương I: Quy định chung. Gồm 06 điều (*từ Điều 1 đến Điều 6*), quy định về: (1) Phạm vi điều chỉnh; (2) Giải thích từ ngữ; (3) Nguyên tắc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin; (4) Áp dụng pháp luật; (5) Các hành vi bị nghiêm cấm; (6) Xử lý vi phạm.

2. Chương II: Quyền và nghĩa vụ của công dân trong việc tiếp cận thông tin; trách nhiệm của cơ quan, đơn vị trong việc bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin. Gồm 07 điều (*từ Điều 7 đến Điều 13*), quy định về: (1) Người thực hiện quyền tiếp cận thông tin; (2) Quyền và nghĩa vụ của công dân trong việc tiếp cận thông tin; (3) Phương thức tiếp cận thông tin; (4) Phạm vi và trách nhiệm cung cấp thông tin; (5) Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị trong việc bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin; (6) Giám sát việc bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin; (7) Khiếu nại, tố cáo, khởi kiện.

3. Chương III: Công khai thông tin, cung cấp thông tin theo yêu cầu. Gồm 03 mục, cụ thể:

- **Mục 1. Phạm vi thông tin được tiếp cận:** Gồm 03 điều (*từ Điều 14 đến Điều 16*), quy định về: (1) Thông tin công dân được tiếp cận; (2) Thông tin công dân không được tiếp cận; (3) Thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện.

- **Mục 2. Công khai thông tin:** Gồm 06 điều (*từ Điều 17 đến Điều 22*), quy định về: (1) Thông tin phải được công khai; (2) Hình thức, thời điểm công khai thông tin; (3) Công khai thông tin trên cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử, cổng dữ liệu, các kênh nội dung, trang cộng đồng chính thức; (4) Công khai thông tin trên phương tiện thông tin đại chúng; (5) Đăng Công báo, niêm yết; (6) Xử lý thông tin công khai không chính xác.

- **Mục 3. Cung cấp thông tin theo yêu cầu:** Gồm 06 điều (*từ Điều 23 đến Điều 28*), quy định về: (1) Thông tin được cung cấp theo yêu cầu; (2) Hình thức yêu cầu, cung cấp thông tin; (3) Chi phí tiếp cận thông tin; (4) Trình tự, thủ tục cung cấp thông tin theo yêu cầu; (5) Từ chối yêu cầu cung cấp thông tin; (6) Xử lý thông tin cung cấp theo yêu cầu không chính xác, không đầy đủ.

4. Chương IV: Điều khoản thi hành, gồm 03 điều (từ Điều 29 đến Điều 31) quy định về: (1) Điều khoản áp dụng; (2) Hiệu lực thi hành; (3) Điều khoản chuyển tiếp.

III. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT TIẾP CẬN THÔNG TIN

1. Quy định chung

1.1. Phạm vi điều chỉnh (Điều 1)

Luật năm 2026 quy định về việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân, nguyên tắc, trình tự, thủ tục thực hiện quyền tiếp cận thông tin, trách nhiệm, nghĩa vụ của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập có nhiệm vụ cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu trong việc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân.

Một trong những điểm mới quan trọng của Luật Tiếp cận thông tin năm 2026 là ***mở rộng phạm vi điều chỉnh đối với các đơn vị sự nghiệp công lập có nhiệm vụ cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu***. Theo đó, bên cạnh các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công lập cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu cũng có trách nhiệm công khai thông tin và cung cấp thông tin theo yêu cầu của công dân theo quy định của Luật. Việc mở rộng phạm vi điều chỉnh xuất phát từ vị trí, vai trò đặc thù của các đơn vị sự nghiệp công lập trong việc cung cấp các dịch vụ thiết yếu phục vụ nhu cầu cơ bản của người dân. Theo quy định của pháp luật về đơn vị sự nghiệp công lập và ngân sách nhà nước, đây là các dịch vụ do Nhà nước bảo đảm cung cấp, gắn trực tiếp với việc thực hiện các quyền cơ bản của người dân. Đồng thời, Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 xác định Nhà nước có trách nhiệm bảo đảm cung cấp dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu, nâng cao khả năng tiếp cận và chất lượng dịch vụ cho mọi tầng lớp nhân dân. Việc Luật Tiếp cận thông tin năm 2026 mở rộng đến đơn vị sự nghiệp công lập có nhiệm vụ cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu góp phần tăng cường tính công khai, minh bạch trong tổ chức và hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập; bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân đối với các hoạt động cung ứng dịch vụ sự nghiệp công có ảnh hưởng trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của người dân.

Luật năm 2026 không mở rộng phạm vi điều chỉnh đối với các tổ chức khác có sử dụng ngân sách nhà nước hoặc tài sản nhà nước như các tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ hoặc doanh nghiệp nhà nước. Việc công khai, minh bạch thông tin của các chủ thể này đã được điều chỉnh bởi các quy định pháp luật chuyên ngành tương ứng. Cách tiếp cận này cũng phù hợp với xu hướng chung của nhiều quốc gia, theo đó nghĩa vụ

cung cấp thông tin chủ yếu được đặt ra đối với các cơ quan nhà nước và các tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ cung cấp dịch vụ công.

1.2. Giải thích từ ngữ (Điều 2)

Kế thừa Luật năm 2016, Luật năm 2026 tiếp tục giải thích 04 từ ngữ trong Luật về “*Thông tin*” “*Thông tin do cơ quan, đơn vị tạo ra*”, “*Tiếp cận thông tin*”, “*Cung cấp thông tin*”; đồng thời bổ sung 01 khái niệm mới về “*Thông tin do cơ quan, đơn vị nắm giữ*”, cụ thể như sau:

- *Thông tin* là tin, dữ liệu được chứa đựng trong văn bản, hồ sơ, tài liệu có sẵn, tồn tại dưới dạng bản viết, bản in, bản điện tử, tranh, ảnh, bản vẽ, băng, đĩa, bản ghi hình, ghi âm hoặc các dạng khác do cơ quan, đơn vị tạo ra hoặc nắm giữ

- *Thông tin do cơ quan, đơn vị tạo ra* là thông tin được tạo ra trong quá trình cơ quan, đơn vị thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật, được người có thẩm quyền của cơ quan, đơn vị đó ký, đóng dấu hoặc xác nhận bằng văn bản.

- *Thông tin do cơ quan, đơn vị nắm giữ* là thông tin do cơ quan, đơn vị nhận được trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật.

- *Tiếp cận thông tin* là việc đọc, xem, nghe, ghi chép, sao chép, chụp, tải về thông tin.

- *Cung cấp thông tin* bao gồm việc cơ quan, đơn vị công khai thông tin và cung cấp thông tin theo yêu cầu của công dân.

Việc phân biệt 02 khái niệm *Thông tin do cơ quan, đơn vị tạo ra* và *Thông tin do cơ quan, đơn vị nắm giữ*, làm cơ sở để xác định phạm vi thông tin mà cơ quan, đơn vị phải công khai, cung cấp theo yêu cầu cho công dân. Cơ quan, đơn vị có trách nhiệm cung cấp thông tin do mình tạo ra (*trừ trường hợp quy định tại Điều 15 của Luật về thông tin công dân không được tiếp cận; đối với thông tin quy định tại Điều 16 của Luật thì cung cấp thông tin khi có đủ điều kiện theo quy định*). Bên cạnh đó, các cơ quan, đơn vị cũng có trách nhiệm cung cấp thông tin do mình nắm giữ trong trường hợp việc cung cấp thông tin là cần thiết để bảo vệ lợi ích công cộng, sức khỏe của cộng đồng (*khoản 3 Điều 10, khoản 2 Điều 17, khoản 4 Điều 23 của Luật*).

1.3. Nguyên tắc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin (Điều 3)

Luật kế thừa các nguyên tắc cơ bản của Luật năm 2016, đồng thời bổ sung quy định *trách nhiệm của Nhà nước trong việc hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho người khuyết tật, người dân tộc thiểu số, người sinh sống ở khu vực biên giới, hải*

đảo, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn. Việc bổ sung nội dung này nhằm bảo đảm quyền tiếp cận thông tin không chỉ được ghi nhận chung mà còn có cơ chế hỗ trợ phù hợp đối với các nhóm có điều kiện tiếp cận hạn chế. Bên cạnh đó, Luật bổ sung nguyên tắc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, tăng cường cung cấp thông tin trên môi trường số; bảo đảm việc cung cấp thông tin kịp thời, minh bạch, thuận lợi cho công dân, cụ thể:

Một là, Mọi công dân đều bình đẳng, không bị phân biệt đối xử trong việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin. Người khuyết tật, người dân tộc thiểu số, người sinh sống ở khu vực biên giới, hải đảo, miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn được Nhà nước hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi khi thực hiện quyền tiếp cận thông tin.

Hai là, Thông tin được cung cấp phải chính xác, đầy đủ.

Ba là, Việc cung cấp thông tin phải đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, tăng cường cung cấp thông tin trên môi trường số; bảo đảm việc cung cấp thông tin kịp thời, minh bạch, thuận lợi cho công dân.

Bốn là, Việc hạn chế quyền tiếp cận thông tin phải do luật định trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng.

Năm là, Việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân không được xâm phạm lợi ích quốc gia, dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức hoặc của người khác.

1.4. Các hành vi bị nghiêm cấm (Điều 5)

Kế thừa Luật năm 2016, đồng thời cụ thể hoá, chi tiết 06 hành vi bị nghiêm cấm trong Luật năm 2026 nhằm đáp ứng yêu cầu bảo vệ dữ liệu và bảo đảm an toàn thông tin trong bối cảnh chuyển đổi số, cụ thể:

(1) Cố ý cung cấp thông tin sai lệch, không đầy đủ, trì hoãn cung cấp thông tin; không cung cấp thông tin theo quy định; hủy hoại thông tin; làm giả thông tin.

(2) Cung cấp, sử dụng thông tin để chống lại Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, phá hoại chính sách đoàn kết, xúc phạm tín ngưỡng, tôn giáo, kỳ thị, chia rẽ dân tộc, kích động bạo lực, gây ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh quốc gia, đối ngoại, trật tự, an toàn xã hội.

(3) Cung cấp, sử dụng thông tin nhằm xúc phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín, gây kỳ thị về giới, gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, tài sản, xâm phạm các

quyền và lợi ích hợp pháp khác của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

(4) Cản trở, đe dọa, trù dập người yêu cầu, người cung cấp thông tin; cản trở hoạt động cung cấp thông tin.

(5) Phát tán, mua bán trái pháp luật hoặc cố ý làm lộ thông tin được cung cấp liên quan đến đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, dữ liệu cá nhân, bí mật gia đình, bí mật kinh doanh theo quy định.

(6) Lợi dụng việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, gây cản trở đến hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức.

1.5. Xử lý vi phạm

Tiếp tục kế thừa Luật năm 2016, Luật năm 2026 quy định xử lý vi phạm như sau:

- Người nào có hành vi vi phạm quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử lý vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Người cung cấp thông tin có hành vi vi phạm pháp luật, nếu gây thiệt hại thì phải chịu trách nhiệm bồi thường theo quy định của pháp luật.

- Người thực hiện quyền tiếp cận thông tin sử dụng thông tin được cung cấp gây ảnh hưởng xấu đến quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức hoặc của người khác thì phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

2. Quyền và nghĩa vụ của công dân trong việc tiếp cận thông tin; trách nhiệm của cơ quan, đơn vị trong việc bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin

2.1. Người thực hiện quyền tiếp cận thông tin (Điều 7)

Cơ bản kế thừa quy định của Luật năm 2016 về chủ thể/người thực hiện quyền tiếp cận thông tin, đồng thời bổ sung, chỉnh sửa để bảo đảm tính thống nhất với Bộ luật Dân sự và bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của các nhóm đối tượng đặc thù, Luật bổ sung quy định về việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin đối với người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi và người dưới 18 tuổi. Cụ thể người thực hiện quyền tiếp cận thông tin, bao gồm:

(i) Công dân thực hiện quyền tiếp cận thông tin theo quy định của Luật này.

(ii) Người mất năng lực hành vi dân sự thực hiện yêu cầu cung cấp thông tin thông qua người đại diện theo pháp luật.

Người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi thực hiện yêu cầu

cung cấp thông tin thông qua người giám hộ.

(iii) Người dưới 18 tuổi có thể tự mình hoặc được sự đồng ý của người đại diện hoặc thông qua người đại diện theo quy định của pháp luật dân sự để thực hiện việc yêu cầu cung cấp thông tin, trừ trường hợp Luật Trẻ em và luật khác có quy định khác.

2.2. Quyền và nghĩa vụ của công dân trong việc tiếp cận thông tin

- Quyền của công dân trong việc tiếp cận thông tin:

+ Được cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ, kịp thời, minh bạch, thuận lợi;
+ Khiếu nại, tố cáo, khởi kiện hành vi vi phạm pháp luật về tiếp cận thông tin theo quy định tại Điều 13 của Luật này.

- Nghĩa vụ của công dân trong việc tiếp cận thông tin:

+ Tuân thủ quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin;
+ Không làm sai lệch nội dung thông tin đã được cung cấp;
+ Không xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức hoặc của người khác khi thực hiện quyền tiếp cận thông tin.

2.3. Phương thức tiếp cận thông tin (Điều 9)

Công dân thực hiện tiếp cận thông tin bằng các phương thức sau:

- Tự do tiếp cận thông tin được cơ quan, đơn vị công khai;
- Yêu cầu cơ quan, đơn vị cung cấp thông tin.

2.4. Phạm vi và trách nhiệm cung cấp thông tin (Điều 10)

(i) Cơ quan, đơn vị có trách nhiệm cung cấp thông tin do mình tạo ra, trừ trường hợp quy định tại Điều 15 của Luật; đối với trường hợp quy định tại Điều 16 của Luật thì cung cấp thông tin khi có đủ điều kiện theo quy định.

(ii) Cơ quan, đơn vị trực tiếp tổ chức thực hiện việc cung cấp thông tin, **trừ các trường hợp sau đây:**

- Văn phòng Quốc hội có trách nhiệm cung cấp thông tin do Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, cơ quan của Quốc hội, Hội đồng bầu cử quốc gia tạo ra và thông tin do mình tạo ra;

- Văn phòng Chủ tịch nước có trách nhiệm cung cấp thông tin do Chủ tịch nước tạo ra và thông tin do mình tạo ra;

- Văn phòng Chính phủ có trách nhiệm cung cấp thông tin do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tạo ra và thông tin do mình tạo ra;

- *Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh* có trách nhiệm cung cấp thông tin do Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các cơ quan của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh tạo ra và thông tin do mình tạo ra;

- *Đơn vị đầu mối do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* xác định có trách nhiệm cung cấp thông tin do Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tạo ra và thông tin do mình tạo ra;

- *Đơn vị đầu mối do Ủy ban nhân dân cấp xã* xác định có trách nhiệm cung cấp cho công dân cư trú trên địa bàn thông tin do Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân, các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác của cấp mình tạo ra và thông tin do mình tạo ra; cung cấp cho công dân khác thông tin này trong trường hợp liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của họ;

- *Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an* quy định đầu mối thực hiện cung cấp thông tin trong hệ thống tổ chức của mình.

(iii) Cơ quan, đơn vị có trách nhiệm cung cấp thông tin do mình nắm giữ trong trường hợp việc cung cấp thông tin là cần thiết để bảo vệ lợi ích công cộng, sức khỏe của cộng đồng.

(iv) Đối với hồ sơ, tài liệu có chứa cả thông tin công dân không được tiếp cận, thông tin công dân được tiếp cận và các phần thông tin có thể được phân tách hợp lý, các cơ quan, đơn vị xem xét, quyết định cung cấp một phần hồ sơ, tài liệu chứa thông tin công dân được tiếp cận.

Hiện nay, khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp, hàng nghìn nhiệm vụ của chính quyền cấp huyện đã được chuyển cho chính quyền cấp xã, dẫn đến khối lượng công việc của Ủy ban nhân dân cấp xã rất lớn. Việc quy định Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm cung cấp thông tin do mình nhận được tạo áp lực lớn cho Ủy ban nhân dân cấp xã. Hơn nữa, số lượng thông tin do cơ quan nhà nước cấp trên tạo ra là rất nhiều, thường xuyên được sửa đổi, bổ sung, do đó, nếu tiếp tục giao Ủy ban nhân dân cấp xã cung cấp thông tin do mình nhận được thì khó bảo đảm tính kịp thời, chính xác của thông tin. Do đó, Luật năm 2026 đã điều chỉnh phạm vi thông tin mà Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm cung cấp: *Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ cung cấp thông tin do mình tạo ra; không cung cấp thông tin do mình nhận được* (trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 10 Luật). Việc điều chỉnh phạm vi thông tin mà Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm cung cấp nhằm bảo đảm phù hợp với nguyên tắc phân cấp, phân quyền, tăng cường trách nhiệm của cơ quan tạo ra thông tin.

Luật năm 2026 bổ sung quy định đối với hồ sơ, tài liệu có chứa cả thông tin công dân không được tiếp cận, thông tin công dân được tiếp cận và các phần thông tin có thể được phân tách hợp lý, các cơ quan, đơn vị xem xét, quyết định cung cấp một phần hồ sơ, tài liệu chứa thông tin công dân được tiếp cận (*khoản 4 Điều 10*). Quy định này góp phần bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân đối với những thông tin mà pháp luật cho phép tiếp cận (thay vì từ chối toàn bộ hồ sơ, tài liệu), đồng thời vẫn bảo đảm yêu cầu bảo vệ các thông tin thuộc diện không được tiếp cận hoặc hạn chế tiếp cận theo quy định của pháp luật.

2.5. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị trong việc bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin (Điều 11)

Luật năm 2026 đã cụ thể hoá trách nhiệm của cơ quan, đơn vị trong việc bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin, cụ thể như sau:

- Cơ quan, đơn vị có trách nhiệm thực hiện các biện pháp bảo đảm quyền tiếp cận thông tin; tạo điều kiện thuận lợi để người khuyết tật, người dân tộc thiểu số, người sinh sống ở khu vực biên giới, hải đảo, miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn thực hiện quyền tiếp cận thông tin.

- Cơ quan, đơn vị tạo điều kiện và khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân nghiên cứu, áp dụng tiến bộ khoa học, công nghệ vào việc xây dựng hệ thống thông tin công cộng; có trách nhiệm nâng cấp, đầu tư các trang thiết bị chuyên dùng phục vụ cho hoạt động cung cấp thông tin của cơ quan, đơn vị ở khu vực biên giới, hải đảo, miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật có liên quan.

- Cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị được kết nối, tích hợp với cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị trực thuộc để cập nhật, chia sẻ thông tin, tạo thuận lợi cho công dân.

Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm duy trì, lưu giữ, cập nhật cơ sở dữ liệu thông tin, bảo đảm thông tin có hệ thống, đầy đủ, toàn diện, dễ dàng tra cứu, tải về, sử dụng.

- Cơ quan, đơn vị có trách nhiệm rà soát, phân loại, kiểm tra và bảo đảm tính bí mật của thông tin trước khi cung cấp.

- Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm lập và công khai danh mục đơn vị sự nghiệp công lập có nhiệm vụ cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu thuộc phạm vi quản lý. Cơ quan, đơn vị có trách nhiệm công bố thủ tục hành chính về cung cấp thông tin

theo quy định.

- Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện các biện pháp bảo đảm quyền tiếp cận thông tin theo quy định của Chính phủ.

- Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về tiếp cận thông tin; đồng thời giao Chính phủ quy định chi tiết cơ quan, đơn vị có trách nhiệm thực hiện các biện pháp bảo đảm quyền tiếp cận thông tin và cơ quan, đơn vị có trách nhiệm rà soát, phân loại, kiểm tra và bảo đảm tính bí mật của thông tin trước khi cung cấp.

2.6. Khiếu nại, tố cáo, khởi kiện (Điều 13)

Kế thừa Luật năm 2016 quy định:

- Người yêu cầu cung cấp thông tin có quyền khiếu nại, khởi kiện đối với cơ quan, đơn vị, người có trách nhiệm cung cấp thông tin theo quy định.

- Công dân có quyền tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về tiếp cận thông tin.

- Khiếu nại, tố cáo, khởi kiện trong việc tiếp cận thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo, tố tụng hành chính, trừ trường hợp pháp luật có liên quan quy định khác.

3. Công khai thông tin, cung cấp thông tin theo yêu cầu

3.1. Phạm vi thông tin được tiếp cận

Luật năm 2026 khẳng định công dân được tiếp cận thông tin của cơ quan, đơn vị, trừ thông tin không được tiếp cận quy định tại Điều 15 của Luật này; được tiếp cận có điều kiện đối với thông tin quy định tại Điều 16 của Luật này.

So với Luật năm 2016, Luật năm 2026 sửa đổi các quy định về phạm vi thông tin công dân không được tiếp cận và thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện (tại Điều 15 và Điều 16) để bảo đảm cụ thể, đầy đủ, rõ ràng hơn và thống nhất, đồng bộ với quy định của pháp luật có liên quan. Việc tiếp cận thông tin thuộc dữ liệu cá nhân thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân. Việc tiếp cận có điều kiện đối với tài liệu lưu trữ tại lưu trữ lịch sử thực hiện theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

Luật năm 2026 cũng quy định *“trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, người đứng đầu cơ quan, đơn vị quyết định việc cung cấp thông tin liên quan đến đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, dữ liệu cá nhân, bí mật gia đình, bí mật kinh doanh trong trường hợp cần thiết vì lợi ích công cộng, sức khỏe của cộng đồng theo quy định của luật có liên quan mà không cần có sự đồng ý”* (khoản 4 Điều 16).

3.2. Thông tin phải được công khai (Điều 17)

Luật năm 2026 quy định **21 thông tin phải được công khai**, như: Chiến lược, chương trình, dự án, đề án, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, địa phương; chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan, đơn vị; báo cáo công tác định kỳ; cơ sở dữ liệu quốc gia ngành, lĩnh vực; thông tin thống kê về ngành, lĩnh vực quản lý; Thông tin về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của cơ quan, đơn vị và của cơ quan, đơn vị trực thuộc; nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, công chức, viên chức trực tiếp giải quyết các công việc của Nhân dân; nội quy, quy chế do cơ quan, đơn vị ban hành; kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác; định mức, tiêu chuẩn, chế độ, kết quả thực hiện quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ; Thông tin việc xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm, chất lượng sản phẩm, hàng hóa, dược, lao động, xây dựng, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo vệ môi trường, thuế, chứng khoán, sở hữu trí tuệ, đo lường, sản xuất, buôn bán hàng giả mà gây hậu quả lớn hoặc gây ảnh hưởng xấu về dư luận xã hội; thông tin về việc người sử dụng lao động chậm đóng, trốn đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp; Danh mục, danh sách về di sản văn hóa, nội dung bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích đã được phê duyệt, công bố tại địa phương nơi có di tích; Thông tin thị trường lao động theo quy định của pháp luật về việc làm; thông tin về tuyển dụng, sử dụng, quản lý cán bộ, công chức, viên chức; thông tin về danh mục và kết quả chương trình, đề tài khoa học; danh mục hồ sơ, tài liệu lưu trữ;...

Đồng thời, quy định ngoài thông tin phải được công khai, căn cứ vào điều kiện và khả năng thực tế, cơ quan, đơn vị chủ động công khai thông tin khác do mình tạo ra hoặc nắm giữ để bảo vệ lợi ích công cộng, sức khỏe của cộng đồng.

3.3. Hình thức, trình tự, thủ tục công khai thông tin

- **Về hình thức, trình tự, thủ tục công khai thông tin:** Luật năm 2026 quy định các hình thức công khai thông tin theo hướng đa dạng hóa, kết hợp linh hoạt giữa phương thức truyền thống (đăng Công báo, niêm yết...) và ứng dụng công nghệ số nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tiếp cận thông tin nhanh chóng, kịp thời, tiết kiệm thời gian, chi phí. Trong đó, Luật năm 2026 bổ sung một số hình thức công khai thông tin trên nền tảng số như đăng tải trên cổng dữ liệu, các kênh thông tin, trang cộng đồng chính thức của cơ quan, đơn vị, phù hợp với xu hướng chuyển đổi số và nhu cầu tiếp cận thông tin ngày càng tăng của người dân trên môi trường mạng.

Trường hợp pháp luật chuyên ngành đã có quy định về hình thức công khai thông tin đối với thông tin cụ thể thì cơ quan, đơn vị áp dụng quy định đó.

Trường hợp pháp luật không quy định cụ thể hình thức công khai thì căn cứ điều kiện, khả năng thực tế, cơ quan, đơn vị lựa chọn một hoặc một số hình thức công khai thông tin quy định tại khoản 1 Điều 18 của Luật, bảo đảm công dân tiếp cận được thông tin. Đối với người khuyết tật, người dân tộc thiểu số và người sinh sống tại các địa bàn khó khăn, cơ quan, đơn vị xác định hình thức công khai thông tin phù hợp với khả năng, điều kiện tiếp cận thông tin của công dân.

Đồng thời quy định cơ quan, đơn vị phải công khai trên cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị mình các thông tin phải được công khai theo quy định tại khoản 1 Điều 17 của Luật và các thông tin khác theo quy định của pháp luật. Căn cứ điều kiện thực tế, cơ quan, đơn vị công khai các thông tin do mình tạo ra hoặc nắm giữ trên cổng dữ liệu, các kênh nội dung, trang cộng đồng chính thức. Trường hợp chưa có cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử, cổng dữ liệu, cơ quan, đơn vị có trách nhiệm công khai thông tin trên các kênh nội dung, trang cộng đồng chính thức hoặc bằng hình thức thích hợp khác.

- **Về thời điểm công khai thông tin công khai:** Luật năm 2026 kế thừa quy định của Luật năm 2016, theo đó, thời điểm công khai thông tin đối với từng lĩnh vực được thực hiện theo quy định của pháp luật liên quan; trường hợp pháp luật chưa có quy định thì chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày tạo ra thông tin, cơ quan, đơn vị có thẩm quyền phải công khai thông tin.

- **Về xử lý thông tin công khai không chính xác:** Thông tin đã công khai không chính xác phải được kịp thời đính chính, công khai thông tin đã được đính chính (các trường hợp cụ thể được quy định tại Điều 22 của Luật). Thông tin công khai không chính xác bằng hình thức nào thì phải được đính chính bằng hình thức đó; đồng thời công khai thông tin đã được đính chính trên cổng dữ liệu, cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử, kênh nội dung, trang cộng đồng chính thức của cơ quan, đơn vị đã công khai thông tin không chính xác.

Quy định này nhằm bảo đảm việc xử lý nhanh chóng, kịp thời các thông tin không chính xác, tăng cường khả năng người dân được tiếp cận thông tin chính thống và chính xác của cơ quan, đơn vị trên nhiều nền tảng.

3.4. Cung cấp thông tin theo yêu cầu (Điều 23)

Luật năm 2026 tiếp tục quy định **4 nhóm thông tin** được cung cấp theo yêu cầu. Cụ thể: **(i)** Nhóm thông tin phải công khai nhưng chưa hoặc không thể tiếp cận, bao gồm thông tin phải được công khai theo quy định nhưng chưa được công khai trong thời hạn, đã hết thời hạn công khai hoặc người dân không tiếp cận được vì lý do bất khả kháng; **(ii)** Nhóm thông tin liên quan đến đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, dữ liệu cá nhân, bí mật gia đình, bí mật kinh doanh được cung cấp khi

đáp ứng đủ điều kiện được tiếp cận theo quy định của Điều 16 của Luật; **(iii)** Nhóm thông tin liên quan đến đời sống, sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh của người yêu cầu cung cấp thông tin nhưng không thuộc loại thông tin quy định tại Điều 17 và khoản 2 Điều 23 của Luật; **(iv)** Nhóm thông tin khác (ngoài 03 nhóm thông tin nêu trên) do cơ quan, đơn vị tạo ra hoặc nắm giữ, căn cứ vào nhiệm vụ, quyền hạn và điều kiện thực tế của mình, cơ quan, đơn vị có thể cung cấp thông tin để bảo vệ lợi ích công cộng và sức khỏe cộng đồng.

3.5. Hình thức yêu cầu và cung cấp thông tin theo yêu cầu (Điều 24)

Luật năm 2026 quy định người yêu cầu có thể trực tiếp hoặc thông qua người đại diện yêu cầu cung cấp thông tin bằng một trong các hình thức:

(i) Tại cơ quan, đơn vị;

(ii) Qua dịch vụ bưu chính;

(iii) Qua mạng Internet, bao gồm qua thư điện tử, cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử, cổng dữ liệu, cổng dịch vụ công quốc gia, ứng dụng di động hoặc các nền tảng số khác do cơ quan, đơn vị có thẩm quyền công bố.

Bên cạnh đó, Luật năm 2026 bổ sung quy định người yêu cầu cung cấp thông tin tại trụ sở cơ quan, đơn vị được sử dụng điện thoại di động và các phương tiện kỹ thuật khác của cá nhân để sao, chụp, tải về văn bản, hồ sơ, tài liệu, trừ trường hợp pháp luật có liên quan quy định khác. Quy định này phù hợp với điều kiện kỹ thuật hiện nay, giúp người dân tiết kiệm chi phí sao chụp, thời gian đi lại và tăng khả năng tiếp cận thông tin của công dân. Luật cũng quy định cơ quan, đơn vị được yêu cầu có trách nhiệm cung cấp thông tin theo hình thức mà người yêu cầu đề nghị phù hợp với tính chất của thông tin được yêu cầu cung cấp, điều kiện và khả năng của cơ quan, đơn vị, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác (khoản 3 Điều 24); khuyến khích việc cung cấp thông tin qua mạng Internet (khoản 4 Điều 24).

3.6. Chi phí tiếp cận thông tin

Luật năm 2026 quy định công dân được cung cấp thông tin không phải trả phí, lệ phí, trừ trường hợp pháp luật có liên quan quy định khác. Người yêu cầu cung cấp thông tin có trách nhiệm thanh toán chi phí thực tế để in, sao, chụp, gửi thông tin.

Tuy nhiên, Luật năm 2026 cũng quy định 02 trường hợp không phải trả chi phí thực tế để in, sao, chụp, gửi thông tin, bao gồm: trường hợp yêu cầu cung cấp thông tin trong thời hạn công khai nhưng chưa được công khai hoặc thông tin đang được công khai nhưng vì lý do bất khả kháng người yêu cầu không thể tiếp

cận được (điểm a và điểm c khoản 1 Điều 23). Đồng thời, Luật tiếp tục giao Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết chi phí thực tế để in, sao, chụp, gửi thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 25.

3.7. Trình tự, thủ tục cung cấp thông tin theo yêu cầu

Luật năm 2026 quy định các nội dung mang tính nguyên tắc, cơ bản về trình tự, thủ tục cung cấp thông tin theo yêu cầu (*không quy định chi tiết, cụ thể theo từng hình thức yêu cầu cung cấp thông tin như Luật năm 2016*); trong đó, Luật năm 2026 quy định rõ cơ quan, đơn vị có trách nhiệm tiếp nhận yêu cầu, hướng dẫn người dân thực hiện đúng thủ tục, hỗ trợ người gặp khó khăn trong tiếp cận thông tin; thực hiện cung cấp thông tin hoặc từ chối cung cấp thông tin bằng văn bản (nêu rõ lý do từ chối theo Điều 27 của Luật).

Về thời hạn giải quyết, Luật năm 2026 quy định tùy từng trường hợp cụ thể, thời hạn cung cấp thông tin chậm nhất là **12 ngày** kể từ ngày nhận được yêu cầu cung cấp thông tin hợp lệ; trường hợp gia hạn thì tối đa không quá **12 ngày** và phải có văn bản thông báo về việc gia hạn trong thời hạn cung cấp thông tin.

Đồng thời, Luật năm 2026 giao Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục cung cấp thông tin theo yêu cầu. Theo đó, các nội dung cụ thể như các mẫu văn bản sử dụng trong cung cấp thông tin theo yêu cầu, trình tự, thủ tục, thời hạn cung cấp thông tin sẽ được quy định cụ thể tại Nghị định của Chính phủ. Việc sửa đổi, bổ sung theo hướng trên vừa bảo đảm Luật quy định các nguyên tắc cơ bản, tạo cơ sở pháp lý để Chính phủ quy định chi tiết, vừa bảo đảm đúng tinh thần đổi mới kỹ thuật lập pháp, phân định rõ thẩm quyền giữa Quốc hội và Chính phủ.

3.8. Từ chối yêu cầu cung cấp thông tin

Luật năm 2026 cơ bản kế thừa quy định về **06 trường hợp** từ chối yêu cầu cung cấp thông tin, bao gồm: **(i)** Thông tin công dân không được tiếp cận quy định tại Điều 15 của Luật này; thông tin không đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 16 của Luật này; **(ii)** Thông tin được công khai theo quy định tại Điều 17 của Luật này, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 23 của Luật này; **(iii)** Thông tin được yêu cầu không thuộc trách nhiệm cung cấp; **(iv)** Thông tin đã được cung cấp hai lần cho chính người yêu cầu, trừ trường hợp người yêu cầu có lý do chính đáng; **(v)** Thông tin được yêu cầu vượt quá khả năng đáp ứng hoặc làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của cơ quan, đơn vị; **(vi)** Người yêu cầu cung cấp thông tin không thanh toán chi phí thực tế để in, sao, chụp, gửi thông tin theo quy định tại Điều 25 của Luật này.

3.9. Xử lý thông tin cung cấp theo yêu cầu không chính xác, không đầy đủ (Điều 28)

Luật năm 2026 sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến xử lý thông tin cung cấp theo yêu cầu không chính xác, không đầy đủ, bảo đảm bao quát các trường hợp có thể xảy ra trên thực tế, tăng cường trách nhiệm của cơ quan, đơn vị trong kịp thời xử lý để cung cấp lại thông tin chính xác, cung cấp bổ sung thông tin thiếu.

4. Điều khoản thi hành

4.1. Điều khoản áp dụng

Luật năm 2026 tiếp tục kế thừa quy định về điều khoản áp dụng của Luật năm 2016. Theo đó: Người nước ngoài cư trú tại Việt Nam được yêu cầu cung cấp thông tin liên quan trực tiếp đến quyền và nghĩa vụ của mình; Công dân có thể yêu cầu cung cấp thông tin thông qua tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp của mình trong trường hợp nhiều người của tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp đó cùng có yêu cầu cung cấp thông tin giống nhau.

Đồng thời, Luật giao Chính phủ quy định chi tiết nội dung này.

4.2. Hiệu lực thi hành

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 9 năm 2026.

4.3. Điều khoản chuyển tiếp

Luật năm 2026 quy định các trường hợp chuyển tiếp nhằm bảo đảm tính liên tục, ổn định và tránh khoảng trống pháp lý khi Luật có hiệu lực thi hành, cụ thể như sau:

- Việc cung cấp thông tin do cơ quan, đơn vị tạo ra hoặc nắm giữ trước khi sắp xếp tổ chức bộ máy do cơ quan, đơn vị tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, đơn vị đó thực hiện theo quy định của Luật này;

- Việc cung cấp thông tin do đơn vị sự nghiệp công lập có nhiệm vụ cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu tạo ra hoặc nắm giữ trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành được tiếp tục thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan;

- Thông tin tại khoản 1 Điều 17 của Luật này do cơ quan nhà nước tạo ra hoặc nắm giữ trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành nhưng chưa được Luật Tiếp cận thông tin số 104/2016/QH13 và pháp luật có liên quan quy định phải công khai thì trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành phải công khai thông tin theo quy định của Luật này;

- Yêu cầu cung cấp thông tin được gửi đến các cơ quan nhà nước trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành nhưng chưa được giải quyết thì tiếp tục được giải quyết theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin số 104/2016/QH13

Luật Tiếp cận thông tin năm 2026 được ban hành trên cơ sở kế thừa những quy định còn phù hợp của Luật Tiếp cận thông tin năm 2016, đồng thời sửa đổi, bổ sung nhiều nội dung quan trọng nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị nhà nước và bảo đảm tốt hơn quyền tiếp cận thông tin của công dân trong giai đoạn mới. Các quy định của Luật có tác động trực tiếp đến việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của công dân trong việc tiếp cận thông tin, tăng cường tính công khai, minh bạch trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập. Luật góp phần phát huy dân chủ, tăng cường trách nhiệm giải trình, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội./.

Nơi nhận:

- Các Ban Đảng, UBKT, VP - Tỉnh ủy;
- Các Ban HĐND tỉnh, VP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- UBMTTQ&TCCTXH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Hội Luật gia tỉnh; Đoàn Luật sư tỉnh;
- Các tổ chức đại diện của doanh nghiệp, hợp tác xã;
- Thành viên Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh;
- Báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh;
- Các cơ quan TW đóng tại địa phương tương đương cấp tỉnh;
- UBND xã, phường;
- Trang TTĐT PBGDPL tỉnh (đăng tải);
- Trang TTĐT STP (đăng tải);
- Lưu: VT, PBGDPL (NPThúy).

SỞ TƯ PHÁP TỈNH TUYỀN QUANG